

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HSST
Ngày: 31/10/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Bình

Ông Lê Văn Mỹ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thanh Tuất – Kiểm sát viên.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô – Thư ký.

Ngày 31/10/2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2017/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ tên: **Trương Thị T (Tên gọi khác: K)**, sinh năm 1985 tại An Giang; Nơi ĐKTT: Số nhà 207, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ phổ thông: 7/12; Họ tên cha: Trương Minh T1, sinh năm 1962; Họ tên mẹ: Lý Thị N, sinh năm 1963; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; Họ tên chồng: Đặng Danh B, sinh năm 1981; Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/4/2017 đến ngày 19/4/2017 được tại ngoại; bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2017 đến ngày 20/9/2017 được tại ngoại (Có mặt).

* Người bị hại:

- Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1971;

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Tổ D, ấp L 1, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 ngày 17/4/2017, Trương Thị T cùng con trai là Trần Bảo Q sinh năm 2012 đến tiệm tạp hóa của bà Đoàn Thị L ngụ tại ấp L 1, xã P, V, Đồng Nai mua 01 kg than củi, 10 quả trứng vịt, 01 bịch trà..., khi bà L

đang đi lấy đồ lên bán, T đứng trong quầy hàng phát hiện túi xách đựng tiền của bà L để gần các thùng mỳ tôm nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền. Lợi dụng bà L không để ý, T đã mở dây kéo túi xách lấy trộm 01 chiếc ví da đựng tiền cất giấu vào trong người. Sau khi thanh toán tiền mua hàng T đến khu vực nhà chờ xe buýt của chợ P, kiểm tra ví có số tiền khoảng hơn 12.800.000 đ. T cất tiền vào túi rồi vứt ví da lại, sau đó T cùng con trai đến tiệm vàng X thuộc ấp L 1, xã P để chuộc lại số vàng mà T đã cầm cố trước đó hết 1.005.000đ.

Sau khi T rời khỏi quầy hàng, bà L kiểm tra túi xách thì phát hiện ví đựng tiền đã bị mất, nghi T là người đã lấy trộm nên đi tìm thì phát hiện T đang ở tiệm vàng, bà L trình báo Công an xã P sự việc trên. Sau khi được mời làm việc tại Công an xã P, T đầu thú và giao nộp toàn bộ số tiền trộm cắp của bà L còn lại là 11.880.000đ.

** Tang vật thu giữ:*

- Số tiền 11.880.000đ trong đó gồm: 14 tờ tiền polime mệnh giá 500.000đ; 07 tờ tiền polime mệnh giá 200.000đ; 23 tờ tiền polime mệnh giá 100.000đ; 15 tờ tiền polime mệnh giá 50.000đ; 15 tờ tiền polime mệnh giá 20.000đ; 12 tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ; 02 tờ tiền giấy mệnh giá 5.000đ; Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chủ sở hữu.

Qua điều tra, Trương Thị T còn khai nhận cũng với thủ đoạn như trên T đã trộm của bà Đoàn Thị L số tiền 1.400.000đ vào ngày 27/03/2017. Tuy nhiên, bà L không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bà Phan Thị S là người bán hàng cho tiệm vàng X sau khi biết số tiền 1.005.000đ T dùng để chuộc vàng là tiền trộm cắp của bà L nên đã trả lại số tiền trên cho bà Đoàn Thị L, bà không yêu cầu T bồi thường.

** Về phần dân sự:* Người bị hại bà Đoàn Thị L đã nhận lại toàn bộ số tiền bị mất cắp nên đã viết đơn bãi nại và không tiếp tục yêu cầu bồi thường.

Qua xác minh tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh V, tỉnh Đồng Nai xác định toàn bộ số tiền 11.880.000 đ (là tang vật) là tiền thật do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Bản cáo trạng số: 42/CT/VKS-HS ngày 09/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu truy tố bị cáo Trương Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T mức án tù 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhất thời phạm tội và rất hối hận về hành vi của mình. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho hoàn cảnh của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Quá trình điều tra cũng như quá trình xét xử tại phiên tòa đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trương Thị T trong lúc mua hàng tại cửa hàng tạp hóa của bà Đoàn Thị L tại ấp L 1, xã P, huyện V đã lợi dụng sự sơ hở của bà L trong lúc bán hàng có hành vi lén lút lấy bóp tiền của bà L và chiếm đoạt số tiền 12.800.000 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Vì muốn có tiền tiêu xài mà không qua lao động nên bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người bị hại. Gây bức xúc cho quần chúng nhân dân tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần có một mức hình phạt thật nghiêm để cải tạo, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại (tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại); sau khi phạm tội đã ra đầu thú; người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, gia đình bị cáo có hai con nhỏ, bị cáo đã bị tạm giam một thời gian, trong thời gian bị tạm giam bị bệnh phải đưa đi điều trị và sau đó được tại ngoại, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Về bồi thường trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Số tiền 12.800.000 đồng là tang vật của vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho người bị hại là đúng pháp luật.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thị T (tên gọi khác: K) phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt Trương Thị T (Tên gọi khác: K) 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Thị T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí : Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Trương Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- THA huyện Vĩnh Cửu;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Quang